

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN DUY THUẤN

**CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP MÀ CHỦ THỂ
LÀ NHỮNG NGƯỜI TRONG
CÁC CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS. TS. ĐỖ NGỌC QUANG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục bảng

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP MÀ CHỦ THỂ LÀ NHỮNG NGƯỜI TRONG CÁC CƠ QUAN TIỀN HÀNH TỔ TỤNG 6

1.1. Những khái niệm có liên quan..... 6

1.1.1. Khái niệm cơ quan tư pháp..... 6

1.1.2. Khái niệm hoạt động tư pháp 10

1.1.3. Khái niệm những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng..... 12

1.1.4. Khái niệm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người tiến hành tố tụng..... 16

1.2. Quá trình phát triển của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng..... 18

1.2.1. Giai đoạn 1945 đến 1975..... 18

1.2.2. Giai đoạn 1976 đến 1999..... 22

1.3. Quy định của bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng..... 26

1.3.1. Xác định tội danh của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng 26

1.3.2. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng 29

1.3.3. Chế tài hình sự đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng 55

| | |
|--|------------|
| Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP MÀ CHỦ THỂ LÀ NHỮNG NGƯỜI TRONG CÁC CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ..... | 58 |
| 2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng..... | 58 |
| 2.1.1. Kết quả và những tồn tại trong điều tra, truy tố và xét xử đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng | 58 |
| 2.1.2. Những nguyên nhân gây nên những tồn tại trong việc áp dụng pháp luật đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng | 67 |
| 2.2. Những đề xuất, kiến nghị đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng | 73 |
| 2.2.1. Quan điểm của Đảng và nhà nước trong đấu tranh với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng | 73 |
| 2.2.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng..... | 80 |
| 2.2.3. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự để ngăn chặn hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng | 88 |
| 2.2.4. Các đề xuất, kiến nghị khác..... | 92 |
| KẾT LUẬN | 96 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 100 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cải cách tư pháp là một đòi hỏi khách quan, cấp thiết và mang tính quy luật để có thể thích ứng với những đổi mới về văn hóa, kinh tế, xã hội và hệ thống chính trị. Vấn đề này đã chính thức được đặt ra tại nhiều Đại hội của Đảng, đồng thời đã được đánh dấu và ghi nhận trong các Nghị quyết 8 Trung ương khóa VII, Nghị quyết 3 và 7 Trung ương khóa VIII và đặc biệt là Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”; Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”.

Do tổ tụng hình sự được tiến hành bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng là hoạt động quyền lực Nhà nước do những người đại diện của các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện như: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án. Những năm qua, trong tiến trình tổng thể cải cách đất nước nói chung và cải cách tư pháp nói riêng thì hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng ở nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể, nhất là trong công tác phát hiện, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong khi thực hiện nhiệm vụ tư pháp đã xuất hiện không ít hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp của những người tiến hành tố tụng trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả của hoạt động tư pháp, mà còn gây mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan tư pháp, vào công lý, lẽ phải. Vì vậy, việc nghiên cứu các tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói chung và với đối tượng phạm tội là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng là một vấn đề cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Với nhận thức như vậy, học viên chọn đề tài: "***Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng***" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong những năm qua, việc nghiên cứu các tội xâm phạm hoạt động tư pháp đã thu hút được sự quan tâm của dư luận và nhiều nhà nghiên cứu đã được công bố như: Trần Minh Hưởng, Đặng Thu Hiền: "*Tìm hiểu các tội xâm phạm hoạt động tiến hành tố tụng*", Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, năm 2002; Nguyễn Ngọc Điệp, Hồ Thị Nệ: "*Tìm hiểu các tội hoạt động tiến hành tố tụng: Trong Bộ luật hình sự 1999*", Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2001; Nguyễn Tất Viễn, Luận án Phó tiến sĩ Khoa học Luật học: "*Các tội xâm phạm hoạt động tiến hành tố tụng trong luật hình sự Việt Nam*", năm 1996; Nguyễn Huy Hoàn, Luận án tiến sĩ Luật học: "*Đảm bảo quyền con người trong hoạt động tiến hành tố tụng ở Việt Nam hiện nay*", năm 2005; Đề tài nghiên cứu khoa học: "*Thực trạng các tội xâm phạm hoạt động tiến hành tố tụng và trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong cuộc đấu tranh chống các tội phạm này*", Chủ nhiệm đề tài Bùi Đức Long, Cơ quan chủ trì: Trường Cao đẳng kiểm sát, 1998... . Ngoài ra, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp còn được đề cập ở các mức độ khác nhau trong các tạp chí, sách báo khác như: Giáo trình Luật hình sự của trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, sách chuyên khảo. Các tác giả chủ yếu đề cập tới trách nhiệm hình sự, tìm hiểu và bình luận về các tội xâm phạm hoạt động tiến hành tố tụng trong luật hình sự Việt Nam, đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay hoặc nghiên cứu các tội xâm phạm hoạt động tư pháp với tư cách là đối tượng của hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu sâu về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

3. Mục đích, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ về mặt lý luận những nội dung cơ bản của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng và thực trạng đấu tranh chống các tội phạm này theo quy định của Luật hình sự Việt Nam trong những năm gần đây. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh chống các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Về mặt lý luận: trên cơ sở nghiên cứu quy định về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong lịch sử phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam và các quy định về người tiến hành tố tụng và các tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong Luật hình sự một số nước trên thế giới, phân tích khái niệm, các yếu tố, dấu hiệu cấu thành tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành để làm sáng tỏ bản chất pháp lý và những nội dung cơ bản của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng theo luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: nghiên cứu, phân tích và đánh giá những vụ việc của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đã có những sai phạm trong quá trình thực thi pháp luật. Đồng thời phân tích những hạn chế, tồn tại và vướng mắc xung quanh việc áp dụng trên thực tiễn các quy định về loại tội phạm này nhằm đề ra phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật và các biện pháp chống các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của Luật hình sự Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2013.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Để đạt được những mục đích đã đặt ra trên cơ sở lý luận là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận văn đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp so sánh, phân tích tài liệu, nghiên cứu lịch sử và phương pháp tổng hợp, cũng như những thành tựu của khoa học luật hình sự, khoa học luật tố tụng hình sự, xã hội học pháp luật v.v... Trong các công trình của các nhà khoa học, luật gia ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào số liệu trong các báo cáo của Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân và một số vụ án hình sự trong thực tiễn trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử và thông tin trên mạng Internet để phân tích và đánh giá, tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự.

5. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn

Về mặt lý luận: Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên đề cập một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng theo luật tố tụng hình sự Việt Nam, ở cấp độ một luận văn thạc sĩ ngành luật hình sự và tố tụng hình sự.

Về mặt thực tiễn: Luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn những yếu tố cấu thành tội phạm của từng tội danh cụ thể trong chương Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật này và nêu ra các đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh chống các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Ngoài ra, luận văn còn có ý nghĩa tham khảo cho cán bộ và học viên trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập về vấn đề này.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 2 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và những đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả đấu tranh với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP MÀ CHỦ THỂ LÀ NHỮNG NGƯỜI TRONG CÁC CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG

1.1. Những khái niệm có liên quan

1.1.1. Khái niệm cơ quan tư pháp

Quyền tư pháp cùng với quyền lập pháp và quyền hành pháp hợp

thành quyền lực nhà nước thống nhất của một quốc gia. Cơ quan tư pháp, với những đặc trưng riêng của quyền tư pháp, được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc do Hiến pháp và pháp luật quy định.

Trong Hiến pháp năm 1946 có một chương có tên Cơ quan tư pháp, trong đó, Tòa án được coi là cơ quan tư pháp: *Cơ quan tư pháp của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa gồm có: Tòa án tối cao; Các tòa án phúc thẩm; Các tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp* (Điều 63).

Điều 126 Hiến pháp năm 1992 quy định: *Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong phạm vi chức năng của mình, có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.* Tại Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: *Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.* Điều 107 Hiến pháp 2013 quy định: *Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.* Như vậy, tuy không nêu rõ, nhưng Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân được gọi là các cơ quan tư pháp.

1.1.2. Khái niệm hoạt động tư pháp

Trong quá trình phát triển của đất nước, khái niệm “hoạt động tư pháp” luôn có những thay đổi theo các giai đoạn lịch sử, gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiến pháp năm 1946, với quy định về cơ quan tư pháp là toà án thì, hoạt động tư pháp thuần túy được hiểu chỉ là hoạt động xét xử của toà án. Từ Hiến pháp năm 1959 trở đi, khái niệm “hoạt động tư pháp” từng bước được mở rộng và đến nay đã gồm nhiều hoạt động khác nhau, như: khởi

tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Cho nên, các hoạt động tư pháp hiện nay được thực hiện bởi nhiều chủ thể, như: Toà án; Viện kiểm sát; Cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Toà án như cơ quan Công an, các cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú, làm việc.... Ngoài ra còn có những cơ quan khác cũng được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, như: Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm Lâm, lực lượng Cảnh sát Biển...

Như vậy, *hoạt động tư pháp là hoạt động tố tụng trong các lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính, bao gồm hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, do những người của các CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan thi hành án thực hiện trong khuôn khổ pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân.*

1.1.3. Khái niệm những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: Các cơ quan tiến hành tố tụng gồm có: các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát; Toà án các cấp. Những người tiến hành tố tụng là những người làm việc trong các cơ quan này được giao nhiệm vụ giải quyết vụ án. Họ là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và Điều tra viên; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát và Kiểm sát viên; Chánh án, Phó Chánh án Toà án, Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký Toà án.

1.1.4. Khái niệm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người tiến hành tố tụng

Điều 292 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của các CQĐT, kiểm sát, xét xử và thi hành án trong việc bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân”. Theo khái niệm này, hoạt động của các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan này thể hiện bằng việc không thực hiện đúng các quy định của pháp về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án và hậu quả của sự xâm phạm này là gây thiệt hại cho quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

1.2. Quá trình phát triển của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

1.2.1. Giai đoạn 1945 đến 1975

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 10/10/1945, nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 47-SL cho tạm thời giữ các luật lệ cũ ở ba miền Bắc, Trung, Nam, nhưng không được xâm phạm vào nền độc lập quốc gia, trong đó có Bộ "Luật hình An Nam", Bộ "Hoàng Việt hình luật", và Bộ "Hình luật pháp tu chính". Và đã ban hành hàng loạt văn bản liên quan đến hoạt động tư pháp được ban hành. Sắc lệnh 33C ngày 13/9/1945 của Chính phủ lâm thời về thành lập tòa án quân sự; Sắc lệnh số 13 ngày 24/1/1946 và Sắc lệnh số 51 ngày 17/7/1946 về thành lập tòa án các cấp. Để hoạt động của tòa án có hiệu quả, một số văn bản pháp luật đã quy định về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Tại Điều 24 Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/1/1946 về tổ chức Tòa án và các ngạch thẩm phán. Tại Điều 18 Sắc lệnh số 40 ngày 29/3/1946 có quy định: "*Những người phụ trách các đề lao, các trại giam, giữ người*". Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cũng đã ghi nhận một số nguyên tắc trong hoạt động của cơ quan tư pháp như Điều 11 quy định: "*Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ, giam cầm công dân Việt Nam*"; Điều 68 quy định: "*Cấm không được tra tấn, đánh đập, ngược đãi những bị cáo và tội nhân*". Sắc lệnh số 150-SL ngày 12/4/1953 về việc thành lập Tòa án nhân dân. Để đảm bảo quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của công dân, Chính phủ đã ban hành Luật số 103/SL-005 ngày 20/5/1953, Sắc lệnh này quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi tra tấn, dùng nhục hình cũng như một số hành vi khác xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tư pháp.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đất nước ta đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967.

1.2.2. Giai đoạn 1976 đến 1999

Sau chiến thắng năm 1975, miền Nam được giải phóng, đất nước ta hoàn toàn thống nhất. Song song với việc chính thức thành lập Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng

hòa miền Nam Việt Nam ban hành Sắc luật số 03/SL-76, ngày 15/3/1976, quy định các tội phạm và hình phạt. Sắc luật này trừng trị các tội phản cách mạng, các tội xâm phạm tài sản công cộng, các tội xâm phạm thân thể, nhân phẩm, sức khỏe, tài sản riêng của công dân, các tội kinh tế (đầu cơ, tích trữ, phá rối trị trường, làm hàng giả...), các tội chức vụ, hối lộ, các tội xâm phạm trật tự, an toàn công cộng.

Tại kỳ họp thứ 9, ngày 27/6/1985, Quốc hội khóa VII đã thông qua Bộ luật hình sự, có hiệu lực từ ngày 1/1/1986. Sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1985 đánh dấu bước phát triển cao của hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Bộ luật hình sự năm 1985 đã dành một chương riêng ở Phần các tội phạm, cụ thể là Chương X với 19 điều luật, từ Điều 230 đến Điều 248 quy định về nhóm tội phạm này. Trong 19 điều luật này có 1 điều quy định về khái niệm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, 1 điều quy định về hình phạt bổ sung, còn 17 điều quy định 20 tội thuộc nhóm tội xâm phạm hoạt động tư pháp, mà chủ thể là những người tiến hành tố tụng.

Nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, phù hợp với những đổi mới của xã hội, Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung bốn lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và năm 1997.

Đáp ứng yêu cầu đó, ngày 21/12/1999, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X tại kỳ họp thứ XI đã thông qua Bộ luật hình sự trong đó, chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp được tiếp tục hoàn thiện đáp ứng yêu cầu đấu tranh với các tội phạm này trong hoạt động tư pháp.

1.3. Quy định của bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

1.3.1. Xác định tội danh của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người tiến hành tố tụng là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của các CQĐT, kiểm sát, xét xử được thực hiện bởi một hoặc một số người trong những người có chức vụ Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Chánh

án, Phó chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa trong khi được giao giải quyết vụ án gây hậu quả nghiêm trọng đến quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp thì có những tội danh sau đây: Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội (Điều 293); Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 294); Tội ra bản án trái pháp luật (Điều 295); Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 296); Tội dùng nhục hình (Điều 298); Tội bức cung (Điều 299); Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án (Điều 300); Tội tha trái pháp luật người đang bị giam giữ (Điều 301); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam giữ người trái pháp luật (Điều 303);

1.3.2. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội trong Bộ luật hình sự nói chung là các yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể để phân biệt tội phạm này với tội phạm khác, hoặc phân biệt nhóm tội phạm này với nhóm tội phạm khác. Do vậy, khoa học pháp lý hình sự, khách thể của tội phạm được chia làm 3 loại bao gồm khách thể chung, khách thể loại của từng nhóm tội phạm và khách thể trực tiếp của từng tội phạm cụ thể.

Khách thể chung của tội phạm là sự xâm phạm vào quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ đó chính là nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, trật tự an toàn xã hội, trật tự quản lý kinh tế, trật tự pháp luật, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và những điều kiện bảo đảm cho mọi người được sống trong một môi trường xã hội và sinh thái an toàn, lành mạnh, mang tính nhân văn cao.

Khách thể loại của các tội phạm này chính là xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án trong việc bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Khách thể trực tiếp của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người tiến hành tố tụng được thể hiện trong từng điều luật cụ thể về những tội phạm cụ thể:

- Đối với tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội (Điều

293 BLHS), khách thể trực tiếp của tội phạm này thể hiện ở chỗ xâm phạm vào những quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Khách thể trực tiếp của tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 294 BLHS) cũng là sự xâm phạm vào những quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều 126 BLTTHS quy định, *khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can*. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền này (Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát) phải khởi tố bị can để điều tra. Nhưng họ đã không khởi tố đối với người đã có đủ chứng cứ buộc tội, có nghĩa họ đã không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có tội.

- Khách thể trực tiếp của tội ra bản án trái pháp luật (Điều 295 BLHS), Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 296 BLHS) là sự xâm phạm vào hoạt động của cơ quan xét xử khi ra bản án. Tùy thuộc vào từng vụ án được đưa ra xét xử là vụ án hình sự, hay vụ án dân sự, hành chính, pháp luật tố tụng quy định cụ thể về quy trình đưa ra bản án. Tuy nhiên, việc đưa ra bản án hình sự đã không theo đúng quy định này như trong bản án phải trình bày việc phạm tội của bị cáo, không phân tích những chứng cứ xác định có tội, không xác định bị cáo có phạm tội hay không mà vẫn đưa ra bản án kết tội v.v....

- Khách thể trực tiếp đối với Tội dùng nhục hình (Điều 298); Tội bức cung (Điều 299) là sự xâm phạm vào hoạt động đúng đắn của các cơ quan điều tra truy tố, xét xử trong việc lấy lời khai thẩm vấn người bị thẩm vấn. Pháp luật tố tụng hình sự đã quy định rõ việc nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình (Điều 6 BLTTHS). Do vậy, truy bức, dùng nhục hình trong hoạt động tư pháp là vi phạm pháp luật.

- Khách thể trực tiếp Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án (Điều 300) là sự xâm phạm vào hoạt động đúng của các cơ quan tư pháp trong việc thiết lập, giữ gìn, bảo quản những tài liệu có trong hồ sơ vụ án để phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án.

- Khách thể trực tiếp của Tội tha trái pháp luật người đang bị giam giữ (Điều 301); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam giữ người trái pháp luật (Điều 303) là những quy định của pháp luật; liên quan đến tạm giữ, tạm giam đối với người bị tạm giữ, tạm giam.

Thứ hai, mặt khách quan của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

Mặt khách quan của tội phạm nói chung thể hiện bằng hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhân quả của hành vi và hậu quả. Những hành vi của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng thể hiện bằng các hành động cụ thể khác nhau, tùy thuộc vào từng tội danh, bao gồm:

- Hành vi truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là không có tội (Điều 293). Hành vi không truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là có tội (Điều 294) là không khởi tố bị can, không quy trách nhiệm hình sự của một người trong báo cáo kết thúc điều tra hoặc không truy tố một người về một tội mà người đó trên thực tế đã thực hiện một cách rõ ràng.

- Hành vi ra bản án mà mình biết rõ là trái pháp luật (Điều 295), hành vi ra quyết định mà mình biết rõ là trái pháp luật (Điều 296), tính chất trái pháp luật được thể hiện ở nội dung bản án, quyết định có thể sai toàn bộ hoặc sai một phần mà phần sai này rõ ràng là trái pháp luật.

- Hành vi dùng nhục hình trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử (Điều 298), hành vi bằng các thủ đoạn trái pháp luật buộc người bị thẩm vấn phải khai sai sự thật (Điều 299) là những hành vi buộc người bị thẩm vấn phải khai sai sự thật. Đối với hành vi dùng nhục hình, như là tra tấn, đánh đập hoặc thủ đoạn khác (bắt nhịn đói, nhịn khát, ăn cơm nhạt, không cho ngủ...) gây đau đớn về thể xác, gây tổn hại về sức khỏe người bị điều tra, bị truy tố, bị xét xử, bị thi hành án. Đối với hành vi bức cung (bằng các thủ đoạn trái pháp luật buộc người bị thẩm vấn phải khai sai sự thật) thể hiện bằng việc đe dọa dùng nhục hình, dọa giam họ với người bị HIV, với bọn đầu gấu trong trại tạm giam, hoặc dọa giam người thân của họ, ép buộc họ khai theo ý của người thẩm vấn, xét hỏi v.v....

- Hành vi tha trái pháp luật người đang bị giam giữ (Điều 302), hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam giữ người trái pháp luật (Điều 303) là những hành vi liên quan đến việc lợi dụng chức vụ quyền hạn hoặc lạm quyền tha trái pháp luật người đang bị giam (ra lệnh tha không có căn cứ pháp luật v.v...) hoặc không ra quyết định, hoặc không chấp hành quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của pháp luật (không ra lệnh tha người đã hết hạn giam, tạm giam, hoặc được miễn giảm chấp hành hình phạt v.v...).

- Hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án là những hành vi thêm, bớt, sửa đổi,

đánh tráo, huỷ, làm hư hỏng các tài liệu, vật chứng của vụ án hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm làm sai lệch nội dung hồ sơ vụ án, như thay đổi lời khai của người làm chứng, rút bớt giấy chứng thương, thay đổi vật chứng làm cho người có tội thành không có tội hay ngược lại, hoặc làm cho tội nặng thành tội nhẹ hoặc ngược lại.

Thứ ba, mặt chủ quan của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

Mặt chủ quan của tội phạm nói chung thể hiện bằng các dấu hiệu lỗi, động cơ, mục đích phạm tội. Nguyên tắc có lỗi là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật hình sự, không hành vi nào bị coi là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự nếu người thực hiện hành vi đó đó không có lỗi. *Lỗi là thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và đối với hậu quả của hành vi ấy gây ra cho xã hội thể hiện dưới dạng cố ý hoặc vô ý.*

Dấu hiệu động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

Thứ tư, chủ thể của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

Tội phạm bao giờ cũng được thực hiện bởi những con người cụ thể. Đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là người trong các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm giải quyết vụ án. Họ là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án.

1.3.3. Chế tài hình sự đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Chế tài hình sự đối với các tội phạm nói chung căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm này đối với nhà nước và xã hội mà cơ quan làm luật quy định mức hình phạt tương xứng. Nghiên cứu các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng được quy định trong Bộ luật hình sự cho thấy có hai nhóm tội và hai mức hình phạt khác nhau.

Nhóm thứ nhất có tính chất mức độ nguy hiểm cho nhà nước và xã hội thấp hơn nên có mức hình phạt thấp hơn trong các cấu thành tội phạm. Nhóm thứ hai là những tội có tính chất mức độ nguy hiểm cao hơn nhóm thứ nhất nên mức hình phạt cao hơn.

Chế tài hình sự đối với các tội xâm phạm hoặc động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấu thành cơ bản có mức hình phạt tù thấp nhất là 6 tháng và cao nhất là 5 năm.

Đối với cấu thành tội phạm tăng nặng (được quy định tại khoản 2 của các điều luật) các tội thuộc nhóm thứ nhất, mức hình phạt thấp nhất là 2 năm và cao nhất là 7 năm khi có một trong những tình tiết là (không truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia; không truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; gây hậu quả nghiêm trọng; gây hậu quả rất nghiêm trọng; tha trái pháp luật người đang bị giam, giữ về tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng). Đối với các tội thuộc nhóm thứ hai thì mức hình phạt thấp nhất là 3 năm và cao nhất là 10 năm khi có một trong những tình tiết tăng nặng.

Đối với cấu thành tội phạm rất tăng nặng (được quy định tại khoản 3 trong từng điều luật), của các tội phạm thuộc nhóm thứ nhất, mức hình phạt thấp nhất là 5 năm và cao nhất là 12 năm khi có một trong những tình tiết là: gây hậu quả rất nghiêm trọng; hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Đối với các tội thuộc nhóm thứ hai thì mức hình phạt thấp nhất là 7 năm và cao nhất là 15 năm khi có một trong những tình tiết là: Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Ngoài hình phạt tù có thể được áp dụng như đã nêu ở trên, người phạm tội còn bị áp dụng hình phạt bổ sung: bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP MÀ CHỦ THỂ LÀ NHỮNG NGƯỜI TRONG CÁC CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

2.1.1. Kết quả và những tồn tại trong điều tra, xét xử đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Trong những năm gần đây mỗi năm, các cơ quan điều tra, truy tố xét xử đã giải quyết khoảng 45.000 vụ án hình sự, 50.000 vụ án dân sự, kinh tế, lao động, hôn nhân và gia đình, góp phần quan trọng trong ổn định trật tự xã hội.

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao trong nhiều năm từ năm 2000 đến nay, mỗi năm số vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp bị đưa ra xét xử chỉ chiếm khoảng 0,5% trong tổng số các vụ phạm tội được đưa ra xét xử. Càng về những năm gần đây, số vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp càng ít. Trong 14 năm từ năm 2000 đến 2013 có 3.565 vụ án hình sự. Trung bình mỗi năm phát hiện 254 vụ án hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Tổng số các vụ án hình sự và các bị cáo bị đưa ra xét xử về tội xâm phạm hoạt động tư pháp như đã nêu ở trên, thì số lượng các vụ án hình sự và các bị cáo bị đưa ra xét xử về tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng chiếm tỷ lệ vô cùng nhỏ. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao trong 14 năm từ năm 2000 đến 2013 có 79 vụ án hình sự với 116 bị cáo bị đưa ra xét xử.

Bảng 2.1: Số vụ án hình sự và số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng từ năm 2000 đến năm 2013

| <i>Stt</i> | <i>Tội danh</i> | <i>Số vụ</i> | <i>Bị cáo</i> |
|------------|---|---------------------|-------------------------|
| 1 | Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội (Điều 293) | 3 | 3 |
| 2 | Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 294) | 3 | 3 |
| 3 | Tội ra bản án trái pháp luật (Điều 295) | 12 | 14 |
| 4 | Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 296) | 12 | 19 |
| 5 | Tội dùng nhục hình (Điều 298) | 21 | 37 |
| 6 | Tội bức cung (Điều 299) | 0 | 0 |
| 7 | Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án (Điều 300) | 16 | 21 |
| 8 | Tội tha trái pháp luật người đang bị giam, giữ (Điều 302) | 0 | 0 |
| 9 | Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật (Điều 303) | 12 | 19 |
| | <i>Tổng số</i> | <i>79 vụ</i> | <i>116 người</i> |

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Nghiên cứu các vụ án hình sự và số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng cho thấy công tác phát hiện tội phạm trong lĩnh vực hoạt động tư pháp còn rất yếu. Có nhiều năm không phát hiện được vụ án hình sự nào về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

2.1.2. Những nguyên nhân gây nên những tồn tại trong việc áp dụng pháp luật đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Việc điều tra, xử lý đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người tiến hành tố tụng còn chưa đạt được yêu cầu của đấu tranh phòng, chống tội phạm này do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật có liên quan đến hoạt động tư pháp nói chung và pháp luật hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói riêng chưa đồng bộ. Pháp luật tố tụng hình sự quy định về điều tra, truy tố, xét xử thì chủ yếu tạo điều kiện cho cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án thực hiện nhiệm vụ là chính, mà chưa tạo nên các điều kiện để ngăn ngừa các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.

Thứ hai, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng thường gắn liền với các tội phạm khác, nhất là tội đưa hối lộ, tội nhận hối lộ, tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ v.v.... Cho nên khi điều tra, truy tố, xét xử với những hành vi này thường đưa sang các tội khác.

Thứ ba, điều tra viên, kiểm sát viên đã xác định sai động cơ mục đích trong điều tra, nôn nóng, muốn giải quyết nhanh để nâng cao uy tín của mình, hoặc xuất phát từ bệnh “thành tích” và gặp khó khăn thu thập chứng cứ nên đã dùng hồ sơ giả để buộc tội, hoặc sử dụng biện pháp bức cung, dùng nhục hình để buộc người bị nghi thực hiện tội phạm khai theo ý của mình.

Thứ tư, các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung đều muốn giữ danh dự, uy tín của mình nên khi có những hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp thường xử lý nội bộ, xử lý hành chính. Điều này làm cho số lượng các tội xâm phạm hoạt động tư pháp bị xử lý ngày một giảm. Có thể thấy rõ điều này trong thống kê hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ năm 2006 đến năm 2010, Cơ quan điều tra đã khởi tố 53 vụ án hình sự 78 bị can là

những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, quá trình điều tra vụ án hình sự đã đình chỉ 8 vụ với 20 bị can; chỉ đưa ra đề nghị truy tố 45 vụ với 58 bị can. Cuối cùng chỉ đưa ra xét xử 42 vụ với 52 bị cáo.

Thứ năm, trong tổng số các tội danh được quy định tại Chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của Bộ luật hình sự, có một số tội sau đây chưa từng phát hiện có vụ án hình sự nào xảy ra. Theo thống kê tội phạm của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các tội: Tội bức cung; Tội tha trái pháp luật người đang bị giam, giữ; đều không xuất hiện trong thực tế.

2.2. Những đề xuất, kiến nghị đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

2.2.1. Quan điểm của Đảng và nhà nước trong đấu tranh với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Sau khi Nghị quyết 08- NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị "về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới" được ban hành, ngày 2/6/2005, Bộ Chính trị lại tiếp tục ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tại Nghị quyết này, Bộ Chính trị đã đánh giá công tác tư pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế. Chính sách hình sự và pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp còn bất hợp lý. Đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử. Ngày 28/11/2014, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết phê chuẩn Công ước của Liên hiệp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Ngày 7/7/2014 Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 28/TT-BCA cụ thể hóa những quy định của Pháp lệnh điều tra hình sự năm 2004, quy định về nguyên tắc hoạt động của cơ quan điều tra, đồng thời khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong công tác điều tra thời gian qua.

2.2.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Như phân trên đã trình bày, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng bao gồm 9 tội là các tội: Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội; Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội; Tội ra bản án trái pháp luật; Tội ra quyết định trái pháp luật; Tội dùng nhục hình; Tội bức cung; Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án; Tội tha trái pháp luật người đang bị giam giữ; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam giữ người trái pháp luật. Hướng hoàn thiện pháp luật hình sự các tội này tập trung vào:

Thứ nhất, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng xảy ra nhiều, nhưng phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý ít là do quy định của Bộ luật hình sự còn chung chung, chưa cụ thể nên các tội phạm này rất khó bị phát hiện trong hoạt động tư pháp. Do vậy cần mô tả rõ hành vi phạm tội trong các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ hai, cần thiết phải tăng hình phạt đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng vì hiện tại, mức hình phạt là quá nhẹ. Theo chúng tôi cần phải tăng mức hình phạt này như sau:

- Trong cấu thành cơ bản: mức hình phạt trong cấu thành cơ bản từ 3 năm tù đến 7 năm tù;
- Trong cấu thành tăng nặng: mức hình phạt từ 5 năm đến 15 năm tù;
- Trong cấu thành rất tăng nặng từ 12 năm tù đến 20 năm tù.

2.2.3. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự để ngăn chặn hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng xảy ra nhiều, nhưng phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý ít là do quy định của pháp luật tố tụng hình sự còn chưa tạo điều kiện cho các chủ thể khác giám sát các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy cần ngăn ngừa các hành vi phạm tội trong các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng bằng cách:

Thứ nhất, tạo điều kiện cho luật sư với tư cách người bào chữa tham gia tố tụng hình sự đối với tất cả các vụ án hình sự ngay từ khi có quyết định khởi tố bị can, hoặc ngay từ khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định bắt người, tạm giữ, tạm giam.

Thứ hai, BLTTTHS quy định, người bào chữa có quyền, gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam; có mặt hỏi cung bị can; có quyền đề nghị Cơ quan điều tra báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can; có mặt trong những hoạt động điều tra khác (Điều 58 BLTTTHS). Do vậy, để người bào chữa có thể thực hiện được các quyền của mình theo pháp luật tố tụng hình sự đã quy định, cần bổ sung, sửa đổi Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự theo hướng:

- *Cơ quan điều tra thông báo cho người bào chữa trước 7 ngày về thời gian, địa điểm hỏi cung bị can để người bào chữa có mặt trong buổi hỏi cung bị can;*

- *Người bào chữa có quyền gặp bị can đang bị tạm giam chậm nhất là 10 ngày kể từ khi bị can có lệnh tạm giam; điều tra viên không được có mặt trong buổi gặp của người bào chữa với bị can;*

- *Giám thị trại tạm giam có trách nhiệm trích xuất bị can để người bào chữa gặp bị can tại phòng gặp của trại giam;*

- *Khi người bào chữa đề nghị hoặc khi thấy cần thiết, cơ quan điều tra thông báo để người bào chữa có mặt trong những hoạt động điều tra khác.*

Thứ ba, Tại Điều 49 và Điều 50 BLTTTHS cũng quy định bị can, bị cáo có quyền nhờ người khác bào chữa và Điều 57 BLTTTHS quy định người bào chữa do bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ lựa chọn. Tuy nhiên, trong trường hợp bị can bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam thì rất khó có thể lựa chọn người bào chữa. Do vậy cần bổ sung khoản 1 Điều 57 BLTTTHS nội dung: *trong trường hợp người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ; bị can, bị cáo đang bị tạm giam lựa chọn người bào chữa, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cấp Giấy chứng nhận người bào chữa mà không cần hỏi người bị tạm giữ; bị can, bị cáo đang bị tạm giam.*

Thứ tư, Điều 58 BLTTTHS quy định, người bào chữa có quyền gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam. Tuy nhiên, BLTTTHS mới chỉ quy định chung chung mà chưa quy định cụ thể, người bào chữa gặp bị can, bị cáo. Mặt khác, việc luật sư sử dụng phiên dịch để làm việc với bị can, bị cáo là người nước

ngoài cũng chưa được quy định. Cho nên cần bổ sung 1 điều luật (gọi là Điều 58a) với tên gọi: người bào chữa gặp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam và với nội dung: *Khi người bào chữa xuất trình các giấy tờ sau đây thì Giám thị tại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ tổ chức cho người bào chữa gặp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam tại buồng làm việc của nhà tạm giữ, trại tạm giam:*

a. Giấy chứng nhận người bào chữa;

b. Thẻ luật sư;

c. Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề luật sư.

Cuộc gặp của người bào chữa với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam được tổ chức kín đáo, không có cảnh sát giám sát, không hạn chế thời gian, nhưng phải tuân thủ những quy định về giờ làm việc và những quy định khác của nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Thứ năm, bổ sung một điều luật trong Bộ luật tố tụng hình sự về việc khi lấy lời khai, hỏi cung đối với người bị thẩm vấn phải được ghi âm, ghi hình và nội dung ghi âm, ghi hình được coi là chứng cứ của vụ án. Đây là biện pháp phòng ngừa hiệu quả đối với hành vi bức cung, dùng nhục hình trong hoạt động tư pháp. Cụ thể: bổ sung khoản 2 Điều 64 như sau:

2. Chứng cứ được xác định bằng:

a) **Vật chứng; băng ghi âm, ghi hình khi thực hiện thẩm vấn người bị nghi thực hiện tội phạm, người bị bắt, bị can, bị cáo.**

b) **Lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo được thể hiện trong băng ghi âm, ghi hình khi bị thẩm vấn.**

c) **Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử phải ghi rõ việc ghi âm, ghi hình người bị thẩm vấn và các tài liệu, đồ vật khác.**

2.2.4. Các đề xuất, kiến nghị khác

Thứ nhất, tiếp tục giáo dục phẩm chất, đạo đức cho của những người tiến hành tố tụng với tư cách là điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm, thư ký tòa án khi giải quyết vụ án nói chung, trong đó có vụ án hình sự. Đồng thời, Nhà nước cần có những quy định cụ thể hơn về trách nhiệm pháp lý cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và đảm bảo quyền con người.

Thứ hai, tăng cường sự giám sát trong hoạt động tư pháp của Viện Kiểm sát để ngăn ngừa các hành vi phạm tội liên quan đến hoạt động tư pháp như nhận xét của Chủ nhiệm ủy ban tư pháp Quốc hội rằng, Viện Kiểm sát phải kiểm sát hoạt động tư pháp ngay từ đầu, từ khi tiền khởi tố.

Thứ ba, mở rộng quyền của luật sư tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa để ngăn chặn các hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp. Theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Chiến lược phát triển luật sư đến năm 2020 đã được Chính phủ phê duyệt, trước hết cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội; Nhà nước cần hỗ trợ thêm kinh phí cho luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.... Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ *"Đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư. Nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư, đề cao trách nhiệm của các tổ chức hành nghề luật sư đối với thành viên của mình"*.

KẾT LUẬN

1. Đấu tranh với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói chung và các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam, ngay từ khi thành lập nước đến nay. Đấu tranh có hiệu quả với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp bảo đảm cho hoạt động tư pháp thực sự chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm nền tư pháp của nước ta thực sự trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Thực hiện được điều này cũng có nghĩa tiến tới loại trừ các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng đã chỉ ra, mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng việc phát hiện, điều tra, khám phá, xử lý đối với các tội phạm này còn chưa đầy đủ, còn sót lọt nhiều hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng nên cuộc đấu tranh này chưa đạt được yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chưa bảo đảm bảo vệ được bảo vệ lợi ích chung của nhà nước, xã hội, chưa bảo đảm quyền con người, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân tham gia vào hoạt động tố tụng hình sự với tư cách người bị nghi thực hiện tội phạm, bị can, bị cáo. Đồng thời, việc xử lý đối với các hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng chưa được khách quan, toàn diện, triệt để, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; có biện pháp chế tài xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm quyền con người khi tham gia tố tụng.

3. Nguyên nhân cơ bản của thực trạng trên là do pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự còn nhiều sơ hở, thiếu sót dẫn đến thiếu tính khả thi trong thực tế phát hiện, điều tra, xử lý đối với các hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, để đấu tranh có hiệu quả đối với các tội phạm này cần thiết hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự. Thêm vào đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cần giáo dục phẩm chất đạo đức của những người tiến hành tố tụng là hết sức cần thiết. Trước tiên, cơ quan điều tra và Điều tra viên với tư cách là Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để thu thập chứng cứ nhằm xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa nên quyền năng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên rất lớn trong việc ban hành các quyết định tố tụng và thực hiện các hành vi tố tụng liên quan đến thẩm quyền điều tra vụ án hình sự. Sai phạm về hoạt động tư pháp chủ yếu là cơ quan điều tra, sau đó đến viện kiểm sát, tòa án. Cho nên,

để phòng ngừa tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là những người trong các cơ quan tiến hành tố tụng trước tiên mỗi cơ quan tiến hành tố tụng cần thực hiện nghiêm túc các quy định về điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nguyên tắc tố tụng hình sự về việc người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ bảo đảm cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thực hiện nhiệm vụ này, Luật sư cần phải có quan hệ với Cơ quan điều tra, Điều tra viên liên quan đến thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận người bào chữa; có mặt trong một số hoạt động điều tra do Cơ quan điều tra và Điều tra viên tiến hành; đưa ra các yêu cầu, kiến nghị, đề nghị Cơ quan điều tra thực hiện những việc làm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giữ, bị can liên quan đến thu thập chứng cứ, giải quyết khiếu nại của bị can hoặc của Luật sư bào chữa v.v... để ngăn ngừa kịp thời những hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Khi thực hiện nhiệm vụ bào chữa, Luật sư luôn nhận thức được vị trí của mình trong Tố tụng hình sự, nhất là tại giai đoạn điều tra của Cơ quan điều tra nên cần có cách ứng xử hợp lý, đạt được mục tiêu của mình đặt ra trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giữ, bị can.

Vấn đề bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự đặt ra cấp thiết theo yêu cầu của Đảng, của Hiến pháp trong tiến trình cải cách tư pháp, Cơ quan điều tra cũng tạo điều kiện cho Luật sư bào chữa gỡ tội cho người bị tạm giữ, bị can trong điều tra vụ án hình sự. Những vướng mắc trong quan hệ giữa Cơ quan điều tra, với Luật sư liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa; cho Luật sư bào chữa gặp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam; hoặc có mặt trong buổi hỏi cung, lấy lời khai cũng như các hoạt động điều tra khác v.v... Nguyên nhân chủ yếu là quy định của pháp luật tố tụng hình sự còn chung chung, chưa cụ thể dẫn đến việc hiểu và áp dụng thế nào cũng được. Điều này đã tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong đó có cơ quan điều tra, Điều tra viên, viện kiểm sát, kiểm sát viên chưa làm hết trách nhiệm của mình trong bảo đảm quyền bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can và chính điều này làm phát sinh các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.